

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Các số liệu vĩ mô tháng 4 tiêu cực tạo áp lực khiến TTCK giảm điểm

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL Đồng loạt sụt giảm mạnh

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

SAB, POW

[Vĩ Mô/Chiến Lược]

Tình hình kinh tế vĩ mô tháng 4/2020

[Cập Nhật Công Ty]

PVD, VNM, BID, VSC, HVN, REE, POW

[Quan điểm đầu tư]

Trái lệnh ở vùng giá thấp, mở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu VNIndex điều chỉnh sâu xuống vùng hỗ trợ 740-745.

04/05/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	762.47	-0.86
VN30	709.35	-0.84
HĐTL VN30	684.00	-2.63
HNXIndex	105.72	-1.05
HNX30	201.76	-0.90
UPCoM	51.91	-0.59
USD/VND	VND23,451	+0.10
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.00	-0
Lãi suất qua đêm (%)	2.08	+12
Dầu (WTI Futures, \$)	18.21	-7.94
Vàng (LME, \$)	1,704.81	+0.26



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 762.47 (-0.86%)
KLGD (triệu CP) 254.0 (+20.4%)
GTGD (triệu US\$) 170.6 (-4.6%)

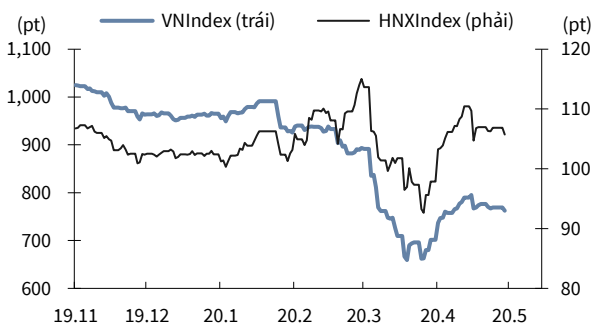
HNXIndex 105.72 (-1.05%)
KLGD (triệu CP) 41.6 (-20.4%)
GTGD (triệu US\$) 12.6 (-10.6%)

UPCoM 51.91 (-0.59%)
KLGD (triệu CP) 11.2 (-12.2%)
GTGD (triệu US\$) 5.4 (-15.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -5.4

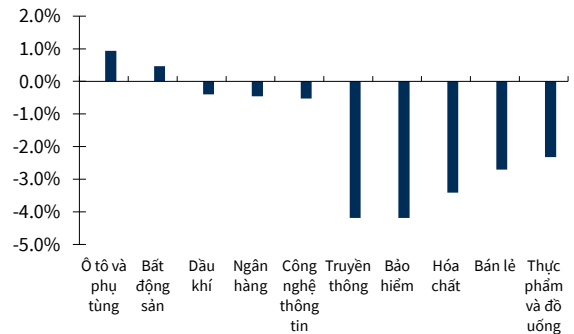
Các số liệu vĩ mô tháng 4 tiêu cực, phản ánh tác động của Covid-19, tạo áp lực khiến TTCK có phiên giảm điểm ngày hôm nay. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn dẫn dắt xu hướng điều chỉnh với chỉ số VN30 có đến 22 mã giảm điểm. Trong đó, các cổ phiếu có KQKD sụt giảm mạnh đồng loạt giảm sâu như POW (-6.9%), SAB (-4.9%), MSN (-2.6%)... Với việc cục Hàng không Việt Nam yêu cầu các hãng hàng không Việt Nam không được xếp quá 80% tổng số ghế trên máy bay nhằm đáp ứng yêu cầu giãn cách hành khách, các cổ phiếu hàng không đồng loạt điều chỉnh như HVN (-3%), VJC (-1%)... Diễn biến tăng của giá dầu thế giới trong các phiên TTCK Việt Nam đóng cửa nghỉ lễ giúp nhóm cổ phiếu dầu khí diễn biến tích cực hơn so với thị trường chung ở GAS (+0.6%), PVD (+0.9%)... trong khi khiến nhóm cổ phiếu phân đạm điều chỉnh đồng loạt ở DPM (-4.9%), DCM (-6.6%)... Nhóm cổ phiếu sẫm lớp như CSM (+6.9%), DRC (+2.9%), SRC (+2%) tiếp tục tăng điểm sau khi báo cáo KQKD Q1 tăng trưởng mạnh nhờ giá nguyên vật liệu đầu vào cao su giảm mạnh so với cùng kỳ. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng ở STB (-1.3%), SSI (-2.3%), PVD (+0.9%)...

VN Index & HNX Index



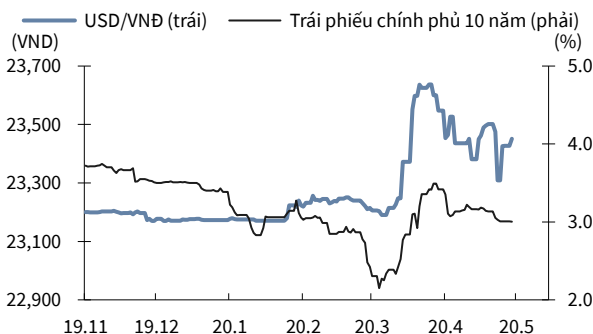
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



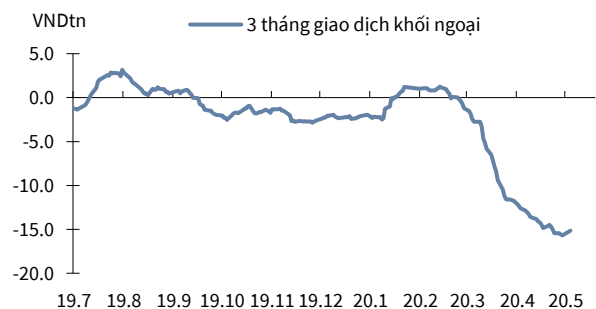
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

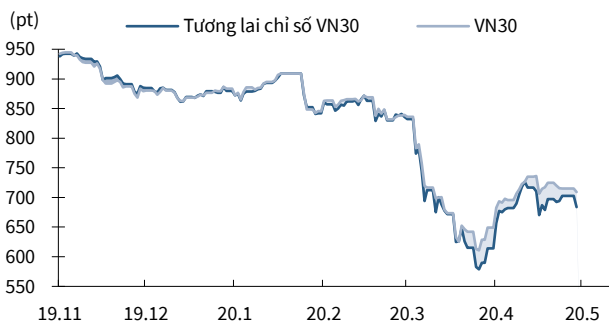
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	709.35 (-0.84%)
VN30F1M	684.0 (-2.63%)
Mở cửa	680.1
Cao nhất	695.7
Thấp nhất	678.1

Các HĐTL đồng loạt sụt giảm mạnh trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến giảm của chỉ số VN30 Index. Với việc F2005 giảm sâu hơn đáng kể so với chỉ số cơ sở, chênh lệch âm được nới rộng lên -25.4 điểm. Thanh khoản thị trường sụt giảm so với phiên trước, dù vẫn ở mức trung bình cao. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ với khối lượng không đáng kể ở cả F2005 và F2006.

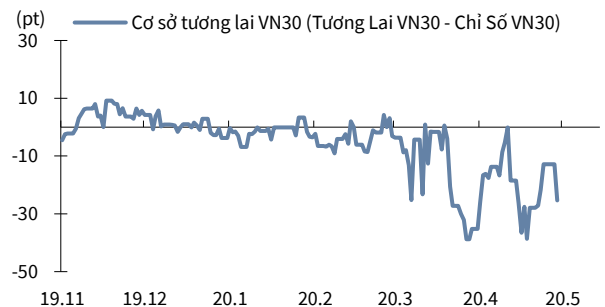
KLGD	203,163 (-9.3%)
-------------	------------------------

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



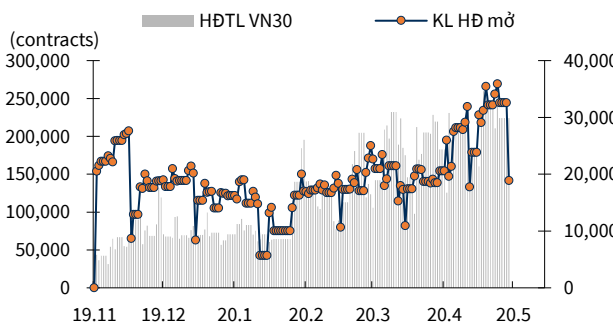
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



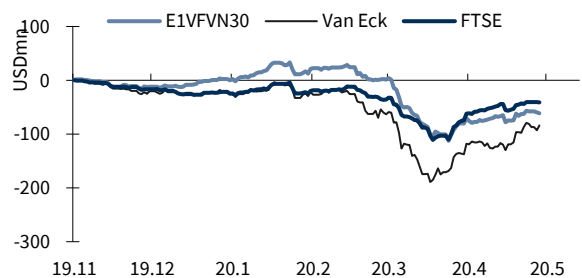
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

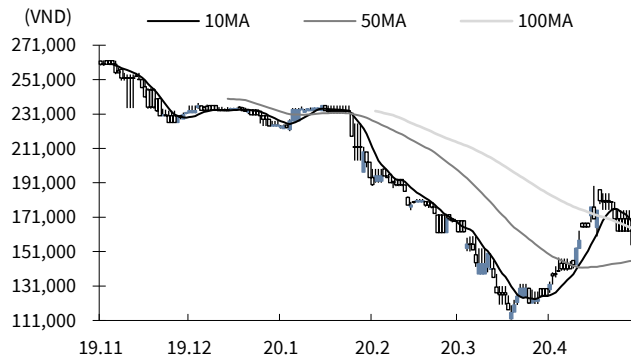
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Sabeco (SAB)

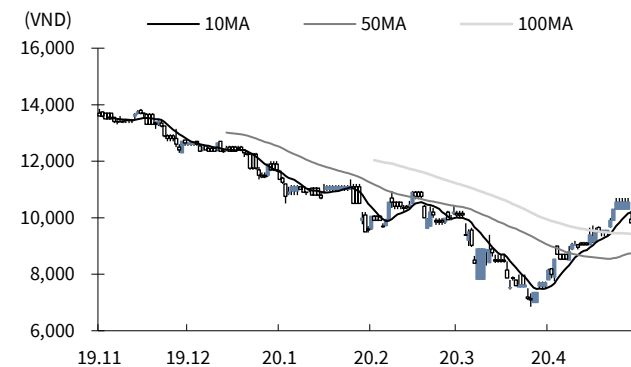


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SAB giảm -4.9% xuống 155,000 VNĐ/cp.

- SAB mới đây công bố KQKD Q1 với lợi nhuận sau thuế đạt 717 tỷ đồng (-44% YoY) và doanh thu đạt 4,909 tỷ (-47%). SAB cho biết doanh thu có sự sụt giảm mạnh do chịu tác động của Nghị định 100 về quy định xử phạt liên quan đến nồng độ cồn khi lái xe, cùng với đó là tác động của yêu cầu cách ly xã hội của Chính phủ để đối phó với dịch Covid-19. Mặc dù vậy, SAB cũng đã nỗ lực thực hiện các biện pháp giảm chi phí, giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ lên mức 27.6% (so với mức 23.5% cùng kỳ).

PVPower (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm -6.9% xuống 9,820 VNĐ/cp.

- POW mới đây công bố KQKD Q1 với lợi nhuận sau thuế đạt 505 tỷ đồng (-45% YoY) và doanh thu 7,975 tỷ đồng (-5.5% YoY). Mức giảm mạnh lợi nhuận của POW được doanh nghiệp lý giải do chi phí tài chính tăng mạnh, đạt 410.6 tỷ (+27.4%) do khoản lỗ chênh lệch tỷ giá; cùng với đó là khoản mục lợi nhuận khác giảm mạnh, chỉ đạt 430 triệu (-99% YoY) do cùng kỳ công ty con NT2 có lợi nhuận đột biến từ việc thực hiện thực hiện hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Tình hình kinh tế vĩ mô tháng 4

Suy giảm vì dịch Covid-19

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và PMI trong tháng 4 giảm mạnh nhất từ trước đến nay

- IIP giảm mạnh trong tháng 4 (-10.5% YoY) trong hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là khu vực chế biến chế tạo. Ngoại trừ ngành dược (+29.3% YoY) và than cốc, dầu mỏ tinh chế (+4.6% YoY), IIP trong các ngành chủ lực khác đều giảm như điện tử (-10.4% YoY), sản xuất trang phục (-17.6% YoY), kim loại (-6.9%). Đặc biệt, ngành sản xuất xe có động cơ giảm tới 44.2% YoY do các nhà máy sản xuất lớn như Toyota, Honda, Hyundai, Vinfast,... tạm ngừng sản xuất.
- PMI tháng 4 giảm kỷ lục, xuống còn 32.7 điểm so với 41.9 điểm vào tháng 3, được ghi nhận suy giảm ở các chỉ số chính như sản lượng sản xuất, số lượng đơn đặt hàng mới, việc làm và hoạt động mua hàng do các công ty phải ngưng hoạt động và bị hủy đơn đặt hàng. Đặc biệt, khảo sát của IHS cho thấy các công ty sản xuất ở Việt Nam lần đầu tiên cho triển vọng tiêu cực về hoạt động sản xuất trong 12 tháng tới. Lĩnh vực sản xuất ở khu vực Châu Á cũng cho tín hiệu kém khả quan khi PMI của các quốc gia đều thấp hơn 50 điểm.
- Hoạt động sản xuất có thể sẽ phục hồi nhẹ trong tháng 5 khi các yêu cầu giãn cách xã hội được nới lỏng ở Việt Nam cũng như trên thế giới, và các công ty đã hoạt động trở lại, tuy nhiên chúng tôi đánh giá thấp khả năng chỉ số PMI trở lại mức trên 50 điểm trong tháng 5.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong tháng 4 giảm 26% so với cùng kỳ

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tư giảm 26% YoY, mức giảm mạnh nhất từ trước đến nay, trong đó doanh thu từ du lịch giảm tới 97.5%. Doanh thu bán lẻ và dịch vụ ăn uống lần lượt giảm 13.4% và 64.7% YoY do Chỉ thị 16 của Chính phủ về giãn cách xã hội trong vòng 3 tuần.
- Chúng tôi quan sát thấy hoạt động di chuyển đi lại của người dân đã hồi phục mạnh trở lại từ cuối tháng 4, đồng thời yêu cầu giãn cách xã hội đã được nới lỏng là tín hiệu tương đối tích cực cho hoạt động bán lẻ sẽ hồi phục trong tháng 5. Tuy nhiên, các hoạt động dịch vụ tiêu dùng khác như du lịch sẽ tiếp tục suy giảm so với cùng kỳ năm ngoái, với mức độ giảm nhẹ hơn so với tháng 4.

Xuất khẩu trong tháng 4 giảm mạnh trong khi đó nhập khẩu có tín hiệu tích cực hơn

- Theo ước tính từ Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 4 chỉ đạt 19.7 tỷ USD, giảm 3.5% YoY trong khi đó kim ngạch nhập khẩu đạt 20.4 tỷ USD, giảm 2.3% YoY. Cán cân thương mại trong tháng 4 ước tính nhập siêu 700 triệu USD, đưa cán cân thương mại trong 4 tháng đầu năm xuất siêu khoảng 3 tỷ USD.
- Trong tháng 4, xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI giảm mạnh hơn so với doanh nghiệp trong nước (lần lượt là -4.5% và -1.4% YoY). Nếu xét theo sản phẩm xuất khẩu, ngoại trừ mặt hàng máy tính, điện tử và linh kiện tăng mạnh (+28.2% YoY), hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực khác đều suy giảm, đặc biệt là điện thoại (-14.9%), dệt may (-19.2%), giày dép (-10.6%).

Dịch vụ khoan dầu khí (PVD)

LN Q1 dương do sản lượng tăng trước khi cắt giảm

LN Q1 dương sau 3 năm lỗ liên tục

— LN Q1 2020 đạt 24.3 tỷ VND (vs Q1 2019 ghi nhận lỗ 87.1 tỷ VND) trên doanh thu Q1 đạt 1,676.9 tỷ VND (tăng 84.4% YoY do 1) giá thuê giàn Jack up tăng và 2) năng suất khả dụng Q1 tăng trước khi cắt giảm sản lượng trong Q2. Do phụ thuộc độ trễ 6 tháng của giá dầu, giá thuê giàn khoan Jack up tăng 10% YoY do nhu cầu khai thác ở khu vực Đông Nam Á phục hồi. Trong đó, năng suất của 4 giàn Jack up của PVD trong Q1 đạt khoảng 100%, so với 82.5% cùng kỳ (trước khi các nhà thầu Malaysia sẽ cắt giảm sản lượng trong tháng tư). Vì vậy, PVD ghi nhận ít chi phí vận chuyển giàn, khiến biên lợi nhuận được cải thiện. 2020 là năm đầu tiên sau 3 năm lỗ liên tục mà không có sự can thiệp của hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển. Trong năm 2020, PVD cũng không có ý định hoàn nhập quỹ này trong 2020E do biên lợi nhuận đã được cải thiện.

Đầu tư cụm thiết bị khoan DES cho giàn TAD

— Vào 11/2019, PVD công bố giàn PVD Drilling V (TAD) đã trúng thầu làm việc cho Brunei Shell Petroleum (BSP) tại Brunei với kì hạn là 6 năm cùng với quyền gia hạn thêm 4 năm. Nhằm phụ hợp với dự án, PVD phải đầu tư cụm thiết bị khoan DES với tổng giá trị là 30 triệu USD (PVD đã mở Tín dụng thư (Letter of Credit) với giá trị 15 triệu USD vào Q1 2020). Ban lãnh đạo kì vọng TAD, đã không có việc trong 3 năm, sẽ sẵn sàng hoạt động vào Q4 2020 và tạo doanh thu vào 2H 2020.

Thu hồi nợ xấu từ PVEP

— Ban lãnh đạo kì vọng PVD sẽ thu hồi được ½ nợ xấu còn lại từ Tổng công ty Thăm Dò Khai thác Dầu khí (PVEP) trong năm nay (giá trị khoản mục cuối năm 2019 là 45.3 tỷ VND) và ½ còn lại vào năm 2021E. PVD đã thu hồi được 45.66 tỷ VND trong năm 2019 từ khoản nợ xấu trên.

CTCP Sữa Việt Nam (VNM)

Doanh thu tăng trưởng dương bất chấp đại dịch

Lợi nhuận Q1/2020 đi ngang nhưng vẫn tăng trưởng doanh thu 7% nhờ hợp nhất kết quả của GTNFoods.

— LNST quý 1 chỉ giảm 1% còn 2,777 tỷ đồng do: 1) doanh thu vẫn tăng trưởng ổn định mặc dù đóng cửa trường học và tạm dừng các chuyến bay nội địa và quốc tế; 2) chi phí cho dịch vụ khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng tăng thêm trong giai đoạn dịch. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 14,153 tỷ đồng, tăng 7% YoY so với mức 9% YoY ở Q4/2019 chủ yếu do Vinamilk bắt đầu hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần GTNFoods (“GTN”, VNM sở hữu 75% vốn và doanh thu thuần của GTN tăng 2% YoY đạt 633 tỷ đồng) kể từ 1Q20. Theo đó, doanh thu thuần Công ty mẹ vẫn đạt tăng trưởng 1% trong quý. Trên cơ sở hợp nhất, doanh thu nội địa chiếm 85% trong tổng số - tăng 8% YoY bằng với mức tăng trưởng YoY của Q4/2019, và vẫn tương đối ổn định mặc dù đã đóng cửa trường học và hủy các chuyến bay nội địa và quốc tế. Xuất khẩu trực tiếp tăng 8% lên 1,081 tỷ đồng mặc dù chứng kiến sự suy giảm mạnh từ mức tăng trưởng 26% YoY của Q4/2019 do sự bùng phát của coronavirus tại các thị trường trọng điểm ở Trung Đông. Khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi vẫn ổn định với biên lợi nhuận gộp giữ nguyên ở mức 47% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặt khác, chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp tăng nhanh hơn doanh thu ở mức 15% YoY (so với quý 1/2019, tăng thêm 222 tỷ đồng (+12% YoY) cho các dịch vụ khuyến mại và chi phí hỗ trợ bán hàng và 18 tỷ đồng (+14% YoY) cho chi phí nhân viên).

Xuất khẩu sữa đặc có đường sẽ được cải thiện khi Trung Quốc vượt qua COVID-19

— Ban lãnh đạo dự kiến việc xuất khẩu sữa đặc có đường sang Trung Quốc sẽ tiếp tục cải thiện trong thời gian còn lại của năm do nước này nới lỏng việc giãn cách xã hội vốn làm giảm xuất khẩu của công ty trong quý 1. Vào ngày 16/04/2020 VNM đã hoàn thành giai đoạn sản xuất để xuất khẩu sữa đặc có đường “Ông Thọ” sang Trung Quốc lần đầu tiên kể từ khi được chính thức cấp mã giao dịch và giấy phép xuất khẩu sang Trung Quốc vào cuối tháng 2 năm 2020. Theo VNM, khối lượng nhập khẩu sữa đặc của Trung Quốc tăng gần gấp đôi trong giai đoạn 2016-2019 nên VNM có tiềm năng tăng trưởng rất lớn cho xu hướng nhập khẩu sữa đặc tại thị trường 1.4 tỷ dân này.

Ban lãnh đạo đặt mục tiêu cả năm công ty tăng trưởng 10% doanh thu và công bố mua lại 17.5 triệu cổ phiếu quỹ

— Trong năm 2020, VNM đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất không ít hơn 62,000 tỷ đồng, tăng 10% so với năm trước. Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên doanh thu không thấp hơn 20%, tương đương với 12,400 tỷ đồng (giảm nhẹ so với năm trước). VNM đã công bố sử dụng quỹ đầu tư và phát triển để mua 17.5 triệu cổ phiếu quỹ (tương đương 1% tổng số cổ phiếu phát hành) trên thị trường chứng khoán hoặc qua giao dịch thỏa thuận.

04/05/2020

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)
Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com
Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính
Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Ngân hàng BIDV (BID)

Kết quả kinh doanh Quý 1 chịu áp lực của chi phí dự phòng

Lợi nhuận ròng Quý 1 giảm 29% khi tăng trưởng tín dụng chậm lại và chi phí dự phòng tăng lên

— Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2020 đạt 1,444 tỷ đồng (giảm 29% YoY / 52% QoQ) khi tăng trưởng tín dụng có phần giảm tốc và dự phòng rủi ro tín dụng phòng tín dụng tăng lên. Trong bối cảnh hoạt động tín dụng gặp nhiều khó khăn trong đầu năm, BIDV ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng chỉ còn 8.1% YoY so với tăng trưởng 12.2% YoY trong Quý 4/2019, trong khi đó tăng trưởng cho vay khách hàng cũng chậm lại ở mức 7.9% YoY từ mức 13,0% YoY của Quý 4/2019.

Tăng chi phí dự phòng nhằm đảm bảo chất lượng tín dụng

— Tỷ lệ nợ xấu hầu như không thay đổi và duy trì ở mức 1.74% tổng dư nợ, bằng với quý trước cũng như cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý có phần tăng nhẹ, chiếm 4.01% tổng dư nợ so với tỷ lệ 3.97% trong Quý 4/2019. Mặc dù chất lượng tài sản vẫn tương đối ổn định, Ban lãnh đạo ngân hàng vẫn quyết định tăng chi phí tín dụng để bảo vệ tài sản trước những rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng. Chi phí tín dụng tăng mạnh, 6,041 tỷ đồng (+ 16% YoY / + 72% QoQ) bao phủ 0.55% tổng dư nợ so với mức 0.31% tổng dư nợ ở cuối năm 2019 và 0.51% trong quý đầu năm ngoái. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên 86.1% từ 74.2% ở Quý 4/2019 và tỷ lệ bao phủ nợ xấu và nợ cần chú ý tăng lên 37.5% từ 32.5% trong Quý 4/2019.

Cắt giảm chi phí hoạt động để giảm thiểu một số tác động tiêu cực đến thu nhập

— Thu nhập từ hoạt động dịch vụ chỉ đạt 1,084 tỷ đồng, giảm 14% QoQ do BIDV thực hiện cắt giảm phí dịch vụ để hỗ trợ khách hàng trong quá dịch COVID-19. Tổng thu nhập ngoài lãi giảm so với quý trước mặc dù có sự đóng góp của hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối tăng 30% YoY lên 430 tỷ đồng và hoạt động chứng khoán kinh doanh thu về 180 tỷ đồng, gấp 4 lần so với cùng kỳ năm trước. Chi phí hoạt động được quản lý chặt chẽ hơn để bù đắp cho chi phí dự phòng tín dụng cao hơn, với tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) được kiểm soát ở mức 30.7% so với mức 28.0% ở cùng kỳ năm ngoái mặc dù công ty đã tuyển dụng thêm 960 nhân sự trong khoảng thời gian này.

Tập Đoàn Container Việt Nam

Lợi nhuận vẫn tăng trưởng trong mùa dịch Covid-19

Dịch Covid-19 chưa tác động nhiều đến kết quả kinh doanh Q1/2020

— Kết quả kinh doanh Q1/2020 chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch Covid-19. Doanh thu Q1/2020 đạt 408.5 tỷ VND, giảm 3.5% yoy; biên lợi nhuận gộp được cải thiện tăng từ 23.6% Q1/2019 lên 24.9% Q1/2020; LNST đạt 71.7 tỷ VND, tăng 41.7% yoy nhờ: (1) Nợ vay giảm khiến cho chi phí lãi vay giảm mạnh 80.7% yoy; (2) Tiết giảm chi phí nhờ đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất.

Lượng hàng cập cảng của VSC tiếp tục xu hướng giảm trước áp lực cạnh tranh

— 4 tháng đầu năm, số lượng tàu cập cảng của VSC giảm 14.4% yoy; tổng trọng tải cảng tiếp nhận giảm 6.7% yoy. Nguyên nhân chủ yếu cho sự sụt giảm này đến từ áp lực cạnh tranh tại cụm cảng Hải Phòng, đặc biệt là cụm cảng Lạch Huyện. KBSV đánh giá diễn biến giảm lượng hàng sẽ tiếp tục diễn ra trong ngắn trung hạn dựa trên: (1) Cầu cảng 1-2 tại cụm Lạch Huyện chạy hết công suất; (2) Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến ngành cảng biển sẽ phản ánh rõ ràng hơn trong Q2/2020.

TCT Hàng Không Việt Nam

Thua lỗ nặng nề do ảnh hưởng của Covid-19

KQKD Q1/2020 sụt giảm mạnh vì ảnh hưởng của dịch Covid-19

— Doanh thu Q1/2020 chỉ đạt 18,937 tỷ VND, giảm 26.5% yoy; lợi nhuận gộp âm 632 tỷ VND so với cùng kỳ đạt 3,952 tỷ VND; Chi phí tài chính đạt 1,128 tỷ VND (+ 43.8% yoy); Lợi nhuận sau thuế đạt âm 2,589 tỷ VND so với cùng kì lãi 1,196 tỷ VND. Nguyên nhân chính khiến cho kết quả kinh doanh của HVN sụt giảm mạnh đến từ: (1) Số chuyến bay khai thác trong Q1.2020 đạt 27,232 chuyến (-18.5% yoy), trong đó tháng 3 giảm mạnh 70.3% yoy; (2) Các khoản mục chi phí không giảm tương ứng đối với doanh thu cùng với chi phí tài chính tăng mạnh do lỗ tỷ giá.

Kết quả Q2/2020 sẽ chưa được cải thiện

— Theo số liệu của Cục Hàng Không, trong giai đoạn từ ngày 18/03/2020 đến 18/04/2020 là giai đoạn Việt Nam phong tỏa vì dịch Covid-19, số chuyến bay của HVN chỉ đạt 1,522 chuyến, giảm 85% yoy. Hiện tại, chưa có dấu hiệu Việt Nam cho mở lại các đường bay quốc tế trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, KBSV đánh giá kết quả kinh doanh trong Q2/2020 của HVN sẽ không khả quan hơn so với Q1/2020. Bên cạnh đó, trong Q1/2020, HVN phát sinh mới 4,274 tỷ VND nợ vay ngắn hạn khiến áp lực trả lãi vay tăng cao trong phần còn lại của năm 2020.

HVN đặt kịch bản lỗ khoảng 20,000 tỷ VND trong năm 2020, tăng cường cắt giảm chi phí và tái cơ cấu doanh nghiệp

— Theo ước tính từ phía ban lãnh đạo của HVN, trong trường hợp dịch Covid-19 kéo dài đến hết Q4/2020, Doanh thu HVN ước đạt 38,140 tỷ VND, giảm 61.2% yoy; LNST âm 19,651 tỷ VND. HVN hiện đang thực hiện các biện pháp cắt giảm nhân sự và tái cơ cấu lại bộ máy để giảm thiểu chi phí. Theo thông tin từ truyền thông Campuchia, HVN đã thoái 49% cổ phần nắm giữ tại Campuchia Angkor Air cho các nhà đầu tư tư nhân. Cùng với đó, HVN đã tiến hành thanh lý năm máy bay A321 với tổng giá trị đạt khoảng 37 triệu USD, dự kiến bàn giao vào tháng 6/2020.

CTCP Cơ điện lạnh (REE)

Lợi nhuận Quý I/2020 sụt giảm 27% yoy

Lợi nhuận Quý 1/2020 sụt giảm 27% so với cùng kì, mặc dù doanh thu tăng trưởng 9%.

- Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ Quý 1/2020 của REE đạt 278 tỉ đồng, sụt giảm 25% yoy. Nguyên nhân: 1) điều kiện thời tiết không thuận lợi, các nhà máy thủy điện của REE gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến lợi nhuận mảng Điện, nước của doanh nghiệp chỉ còn 100 tỉ đồng, sụt giảm 46% yoy, 2) mảng Cơ điện lạnh cũng sụt giảm lợi nhuận 40% yoy, đạt 33 tỉ đồng do ảnh hưởng bởi dịch COVID 19, 3) mảng cho thuê văn phòng có mức tăng trưởng 19% yoy, đạt 127 tỉ đồng do REE mới đưa dự án Etown 5 đi vào hoạt động trong Quý 4/2019.
- Doanh thu Quý 1/2020 của REE đạt mức 1184 tỉ đồng, tăng trưởng 9% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là do quý 4/2019, REE đã hợp nhất 2 công ty là Thủy điện Mường Hum và Phong điện Thuận Bình.

REE đặt kế hoạch kinh doanh 2020 tăng trưởng doanh thu 23%, trong khi lợi nhuận sau thuế giảm 1.2%.

- Công ty dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh 2020 với doanh thu và lợi nhuận dự kiến đạt 5,965 tỉ đồng và 1,620 tỉ đồng, tăng trưởng 23% yoy và -1.2%. Tỷ lệ cổ tức khoảng 16%.
- Theo chia sẻ của ban lãnh đạo doanh nghiệp, sáu tháng cuối năm, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sẽ khởi sắc, đặc biệt là mảng kinh doanh điện khi tình hình thời tiết sẽ khả quan hơn khi không còn chịu tác động của El Nino.
- Ngoài ra, trong đại hội đồng cổ đông 2020, công ty sẽ trình việc tái cấu trúc hoạt động kinh doanh theo mô hình Holdings với 4 ngành nghề kinh doanh riêng biệt: Cơ điện lạnh, Bất động sản, Điện và Nước. Việc tái cấu trúc này sẽ giúp công ty dễ dàng huy động vốn cho từng ngành riêng biệt và niêm yết theo từng cấp công ty (nếu cần). Ngoài ra công ty cũng đặt mục tiêu trở thành công ty có vốn hóa 1 tỉ USD trong vòng năm năm tới.

Điện lực dầu khí Việt Nam (POW)

Lợi nhuận quý 1 giảm 47% do tình hình thời tiết bất lợi.

Lợi nhuận quý 1 giảm mạnh 47% YoY chủ yếu do tình hình thời tiết bất lợi.

— Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ Quý 1/2020 của POW đạt 444 tỉ đồng (giảm 47% yoy) doanh thu đạt 7,975 tỉ đồng (giảm 5.5%). Nguyên nhân chủ yếu do 1) các khoản lỗ lớn từ 2 công ty con là thủy điện ĐakDrink và thủy điện Hủa Na do tình hình thủy văn không thuận lợi; 2) Chi phí chênh lệch tỉ giá tăng mạnh 136 tỉ do tỉ giá VND/ USD tăng khá mạnh trong quý 1. Trong quý 1/2020, sản lượng điện sản xuất của POW đạt 5,267 triệu kWh, giảm 4.3% yoy, trong đó, sản lượng điện của các công ty con như Nhơn Trạch 2, Hủa Na và ĐakDrink giảm xấp xỉ 60% yoy.

Khả năng cung cấp khí của Hệ thống khí khu vực Đông Nam Bộ suy giảm chỉ còn khoảng 15 – 15.5 triệu sm3/ngày.

— Trong quý 1/2020, sản lượng khí của hệ thống khí khu vực Đông Nam Bộ suy giảm chỉ còn khoảng 15-15.5 triệu sm3/ngày so với mức 18 triệu sm3/ngày thời điểm cuối năm 2019. Nguyên nhân là do sự suy giảm khí khu vực bể Cửu Long và các sự cố của hệ thống như sự cố đứt dây neo ở giàn Rồng Đồi từ ngày 12/12/2019-10/01/2020 hay như sự cố ở Lô 11.2 từ ngày 08/03/2020. Dự kiến sự cố ở lô 11.2 sẽ phải khoảng thời gian 4 tháng để khắc phục.

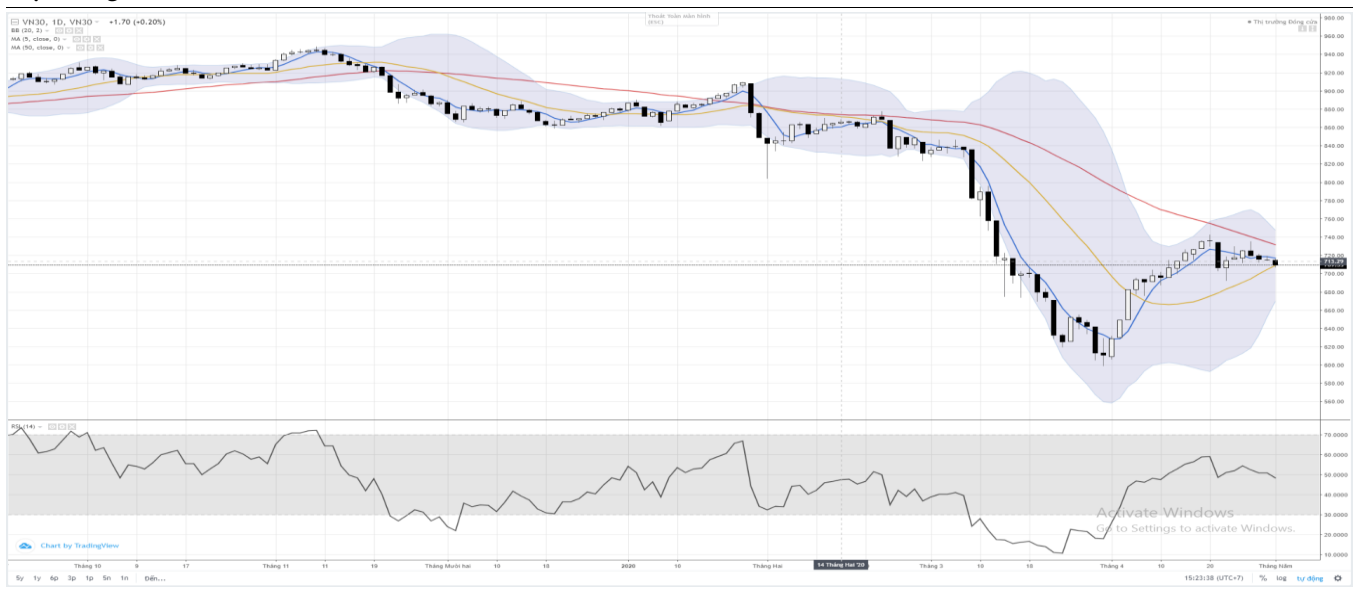
Kế hoạch lợi nhuận trước thuế quý 2/2020 sẽ đạt 840 tỉ đồng, giảm 3% yoy.

- Ban lãnh đạo POW đặt ra kế hoạch lợi nhuận trước thuế cho Quý 2/2020 là khoảng 840 tỷ đồng (-3% YoY) cùng với doanh thu thuần 9,658 tỷ (-2% YoY) và sản lượng điện dự kiến là 5,717 triệu kWh.
- Dự án nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện báo cáo khả thi (FS), đồng thời cũng đang đàm phán hợp đồng giá điện PPA với EVN và hợp đồng cung cấp nhiên liệu với PVGas. Ngoài ra, POW cũng đang làm việc với các tổ chức tín dụng trong nước và ngoài nước về phương án thu xếp vốn cho dự án đảm bảo hiệu quả và đáp ứng tiến độ đầu tư dự án.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Diễn biến suy yếu về cuối phiên sau nỗ lực phục hồi bất thành khiến chỉ số VNINDEX tạo mẫu hình nền không mấy tích cực.
- Chỉ số vẫn đang tạm thời vận động theo mẫu hình tam giác cân đi ngang với tín hiệu trung tính trong ngắn hạn. Tuy nhiên, hiện đường giá đã ở sát cạnh dưới của mẫu hình và với momen giảm điểm về cuối phiên, rủi ro phá vỡ cạnh dưới cần phải được tính đến.
- Sau khi đã trải qua 1 nhịp hồi phục mạnh từ đáy, môi trường đi ngang hiện tại không tạo lợi thế cho bên mua. NĐT được khuyến nghị chỉ trải lệnh ở vùng giá thấp, mở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu VNIndex điều chỉnh sâu xuống vùng hỗ trợ 740-745.

Chỉ Số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp Đồng Tương Lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Cả Vn30 và F1 đều diễn biến tiêu cực về cuối phiên sau nỗ lực phục hồi bất thành.
- Mẫu hình tam giác cân đi ngang vẫn được duy trì nhưng với momen giảm điểm về cuối phiên trong khi cả hai đều đang vận động ở sát cạnh dưới khiến rủi ro phá vỡ mô hình theo chiều đi xuống đang tăng lên.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở các vị thế Short tại các ngưỡng kháng cự trong phiên. Việc mở các vị thế Long chỉ nên được cân nhắc nếu VN30 rơi xuống vùng hỗ trợ 68x.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

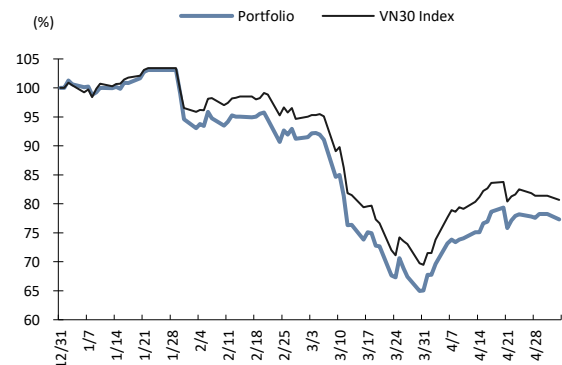
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.84%	-1.19%
Tăng lũy kế (YTD)	-19.31%	-22.66%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/05/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	79,400	-2.8%	-31.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	22,500	0.0%	-16.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	56,500	-0.7%	-26.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	15,850	-0.6%	-19.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	29,600	-1.3%	-12.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,500	-0.6%	31.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	20,050	0.2%	-17.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	114,300	-1.0%	-11.5%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,000	-2.3%	-10.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	12,350	-2.8%	-9.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	2.0%	14.7%	20.2
MSN	-2.6%	36.0%	20.0
HDB	4.4%	21.3%	17.8
CTG	0.3%	29.6%	14.8
VPB	-2.2%	22.9%	14.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
STB	-1.3%	10.1%	-15.4
SSI	-2.3%	51.2%	-14.0
PVD	0.9%	13.9%	-13.4
NVL	-0.8%	6.0%	-10.9
KBC	-2.8%	22.4%	-10.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHB	-1.9%	7.9%	1.5
HAD	0.0%	9.5%	0.7
AMV	-0.6%	2.6%	0.6
PVI	-0.3%	54.3%	0.2
TTT	0.0%	5.8%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.9%	14.6%	-27.8
HUT	-5.6%	8.8%	-3.9
SHS	-1.3%	9.4%	-0.9
ART	-3.9%	6.6%	-0.8
PVC	0.0%	12.2%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	3.2%	SVC, DRC
Ngân hàng	1.1%	CTG, VCB
Y tế	0.8%	DHG, PME
Bất động sản	0.1%	VHM, PDR
Dầu khí	-0.1%	PVD, PLX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-6.2%	SAB, VNM
Bảo hiểm	-4.5%	BVH, PGI
Tài nguyên Cơ bản	-3.5%	HPG, VIS
Bán lẻ	-3.5%	MWG, FRT
Dịch vụ tài chính	-3.2%	HCM, SSI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	17.4%	HVN, VJC
Ô tô và phụ tùng	16.3%	TCH, DRC
Bán lẻ	12.7%	MWG, FRT
Tài nguyên Cơ bản	11.8%	HPG, HSG
Hóa chất	10.9%	DCM, PHR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-0.9%	BVH, BIC
Ngân hàng	-0.4%	BID, VCB
Bất động sản	0.7%	VIC, FLC
Dầu khí	1.0%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	3.6%	HCM, SSI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)					
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	91,800	310,507 (13,242)	94,316 (4.0)	22.6	41.4	24.6	31.3	8.8	12.4	3.7	3.2	-0.1	-1.3	0.9	-	20.2	
	VHM	VINHOMES JSC	64,900	213,489 (9,104)	77,030 (3.3)	34.3	8.0	6.6	35.3	38.5	32.5	2.5	1.8	2.0	-2.6	12.5	-	23.5	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	23,450	53,286 (2,272)	76,368 (3.3)	17.5	18.7	14.7	10.2	10.2	11.7	1.9	1.7	1.5	-2.7	20.3	-	31.0	
	NVL	NO VA LAND INVES	52,800	51,192 (2,183)	36,804 (1.6)	32.4	17.4	18.6	-	11.3	12.0	11.8	2.1	1.8	-0.8	0.4	1.7	-	11.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	20,900	11,379 (485)	12,030 (0.5)	4.8	9.9	8.7	16.8	14.6	15.2	1.3	1.3	-0.2	2.0	14.2	-	22.3	
	DXG	DAT XANH GROUP	9,350	4,851 (207)	30,547 (1.3)	8.7	4.5	4.0	-	11.5	12.3	15.2	0.5	0.5	-5.5	-2.2	12.5	-	35.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,400	249,978 (10,661)	107,218 (4.6)	6.4	14.2	11.7	16.7	20.4	20.2	2.6	2.2	-0.9	-2.6	2.9	-	25.3	
	BID	BANK FOR INVESTM	35,300	141,977 (6,055)	43,921 (1.9)	12.2	18.9	15.0	5.7	11.9	11.5	1.8	1.6	-0.8	-2.5	2.9	-	23.5	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	17,400	60,902 (2,597)	33,213 (1.4)	0.0	5.6	4.8	8.2	16.9	17.4	0.8	0.7	1.2	2.7	9.8	-	26.1	
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,050	74,654 (3,184)	122,958 (5.2)	0.4	8.5	6.1	28.8	12.3	15.0	0.9	0.8	0.3	4.4	6.6	-	-4.1	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,050	48,877 (2,084)	96,995 (4.1)	0.5	5.4	4.6	10.3	19.3	18.0	1.0	0.8	-2.2	0.8	14.2	0.3	-	
	MBB	MILITARY COMMERC	15,850	38,221 (1,630)	103,359 (4.4)	0.0	4.4	3.9	15.0	20.3	20.2	0.8	0.7	-0.6	-1.9	7.5	-	23.8	
	HDB	HDBANK	21,550	20,816 (888)	35,537 (1.5)	8.7	5.8	4.8	13.8	20.6	20.2	0.9	0.8	4.4	4.6	10.2	-	21.8	
	STB	SACOMBANK	8,980	16,197 (691)	85,514 (3.6)	13.6	6.9	5.4	39.1	9.4	10.8	0.6	0.5	-1.3	-1.9	7.5	-	10.6	
	TPB	TIEN PHONG COMME	17,400	14,208 (606)	2,070 (0.1)	0.0	3.8	3.5	44.5	25.7	21.6	0.9	-	0.0	-1.7	3.9	-	17.3	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,050	18,503 (789)	6,209 (0.3)	0.0	32.4	31.0	-6.9	3.6	3.6	1.1	1.1	0.3	-1.6	-1.0	-	-	15.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	44,100	32,736 (1,396)	29,460 (1.3)	20.3	26.8	19.8	1.0	6.9	9.0	1.7	1.6	-4.5	-6.8	4.3	-	35.7	
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,600	1,973 (084)	9,346 (0.4)	12.9	-	-	-	-	-	-	-	-4.4	6.9	39.4	-	12.9	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	12,700	7,632 (325)	46,231 (2.0)	48.9	7.8	7.2	-	11.9	10.5	10.6	-	-	-2.3	-4.5	11.2	-	18.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	17,750	2,916 (124)	9,001 (0.4)	66.2	-	-	-	14.1	-	-	-	0.9	-5.6	18.3	-	39.8	
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,500	4,731 (202)	34,746 (1.5)	45.2	9.1	5.4	-	16.4	12.5	17.7	1.0	0.9	-6.1	-8.3	22.0	-	27.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	10,750	2,242 (096)	11,031 (0.5)	12.2	-	-	-	8.6	-	-	-	-	-1.8	-3.2	-3.6	-	25.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	97,600	169,958 (7,248)	153,737 (6.6)	41.5	17.3	15.9	3.7	38.2	38.9	5.8	5.3	-1.4	1.6	2.7	-	16.2	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	155,000	99,399 (4,239)	18,802 (0.8)	36.7	21.7	18.3	7.5	24.3	26.5	4.9	4.4	-4.9	-	24.0	-	32.0	
	MSN	MASAN GROUP CORP	57,300	66,981 (2,856)	86,473 (3.7)	13.0	25.3	19.9	-	30.3	7.4	8.3	1.6	1.4	-2.6	-1.5	9.6	1.4	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,900	14,300 (610)	2,785 (0.1)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	1.6	4.9	-	-7.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	114,300	59,875 (2,553)	35,490 (1.5)	11.3	14.2	11.9	-9.5	25.6	27.3	3.5	3.1	-1.0	-1.8	14.4	-	21.8	
	GMD	GEMADEPT CORP	18,000	5,345 (228)	8,727 (0.4)	0.0	13.1	11.4	-	53.2	7.3	8.3	0.9	0.9	-3.2	2.3	18.4	-	22.7
	CII	HO CHI MINH CITY	19,300	4,783 (204)	22,494 (1.0)	24.4	10.3	9.4	-	136.4	9.6	9.7	0.9	0.9	-2.8	0.3	2.9	-	14.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,520	1,998 (085)	77,380 (3.3)	46.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.4	-3.3	-5.4	-	79.7	
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	15,000	7,324 (312)	20,886 (0.9)	33.7	8.8	6.6	-	12.1	9.6	15.5	1.0	1.0	-3.5	-7.1	7.9	-	22.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	61,000	4,654 (198)	17,168 (0.7)	2.6	8.3	8.2	-	39.4	6.4	6.8	0.6	0.5	-2.7	7.6	26.4	-	18.9
	REE	REE	29,600	9,178 (391)	19,927 (0.8)	0.0	5.5	4.6	-2.8	14.9	15.6	0.8	0.7	-1.3	0.3	2.6	-	18.5	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD	
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	63,800	122,110 (5,207)	59,408 (2.5)	45.7	15.1	12.3	-	15.4	19.8	2.4	2.3	0.6	-2.0	7.8	-	31.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,050	5,772 (246)	10,287 (0.4)	31.4	8.1	7.7	-2.9	16.9	18.4	1.3	1.3	-2.4	1.5	17.6	-7.4	
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,350	7,807 (333)	5,297 (0.2)	32.5	7.9	8.4	-8.0	16.6	15.4	1.3	1.2	-2.2	2.3	9.7	-9.5	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	21,000	57,983 (2,473)	160,780 (6.9)	12.3	7.0	5.4	-1.7	17.2	19.1	1.1	0.9	-2.3	-2.8	19.0	-	10.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,600	5,322 (227)	39,850 (1.7)	33.4	9.4	9.1	-2.8	9.1	7.8	0.7	0.6	-4.9	-	11.1	9.7	5.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	7,900	4,182 (178)	14,122 (0.6)	47.2	9.7	21.5	-	7.8	3.5	0.7	0.7	-6.6	-1.1	38.8	21.5	
	HSG	HOA SEN GROUP	7,550	3,355 (143)	47,030 (2.0)	31.5	8.5	6.4	0.0	7.0	8.5	0.5	0.5	2.7	11.2	52.5	1.5	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,650	1,994 (085)	30,495 (1.3)	36.6	5.0	8.5	51.8	14.8	9.0	0.6	0.5	-5.7	-6.4	13.1	-8.3	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,100	47,752 (2,036)	58,341 (2.5)	6.9	12.7	11.4	6.8	17.0	19.8	2.2	2.0	-0.5	-1.5	0.5	-	28.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,230	3,887 (166)	62,999 (2.7)	35.1	29.8	11.9	-7.6	1.0	2.6	0.3	0.3	0.9	-3.8	22.4	-	38.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	9,650	2,716 (116)	23,778 (1.0)	23.0	5.1	4.7	-9.6	11.5	12.2	0.5	0.5	-1.8	-4.5	12.1	-	42.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	79,400	35,954 (1,533)	134,523 (5.7)	0.0	8.9	7.2	15.4	29.9	30.7	2.3	1.8	-2.8	-4.9	21.4	-	30.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	56,500	12,723 (543)	51,000 (2.2)	0.0	12.2	10.2	6.3	23.6	23.1	2.4	2.0	-0.7	-4.9	8.9	-	34.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	54,500	1,608 (069)	1,855 (0.1)	68.8	22.9	16.7	-	6.7	8.5	1.5	1.4	-4.0	-9.5	9.7	47.3	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	19,800	1,564 (067)	15,895 (0.7)	8.7	10.4	9.6	-	11.1	10.6	1.0	0.8	-6.8	-8.3	55.9	-5.9	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	43,300	5,867 (250)	37,160 (1.6)	40.3	5.5	5.0	30.3	38.0	35.0	1.9	1.6	-4.2	3.1	19.1	13.4	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	94,100	12,303 (525)	2,922 (0.1)	45.7	19.2	17.7	4.1	19.5	19.2	3.4	3.3	0.9	1.3	15.0	2.8	
	PME	PYMEPHARCO JSC	59,900	4,493 (192)	1,266 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-2.9	1.2	11.5	10.3	
IT	FPT	FPT CORP	50,500	34,424 (1,468)	98,979 (4.2)	0.0	10.3	8.9	17.2	24.1	25.0	2.2	2.0	-0.6	-1.0	13.2	-	13.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.